

— Giải thể xã Nhân-long; sáp nhập thôn Đạo của xã Nhân-long vào xã Nhân-thịnh, sáp nhập thôn Thanh-ngà của xã Nhân-long vào xã Nhân-phúc.

Điều 2. — Ủy ban hành chính tỉnh Nam-hà chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 27 tháng 6 năm 1972

K.T. Bộ trưởng Phủ Thủ tướng

Thủ trưởng

NGUYỄN ĐÌNH KHANH

CÁC BỘ

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

QUYẾT ĐỊNH số 47-TCTK/PPCĐ ngày 22-3-1972 ban hành bản quy định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ, chính thức quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về công nghiệp áp dụng cho các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ vào Nghị định số 131-CP ngày 29-9-1971 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê;

Căn cứ vào Nghị định số 27-CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định nguyên tắc về việc lập và ban hành các chế độ biểu mẫu báo cáo thống kê và phương án điều tra;

Căn cứ vào quyết định số 168-TTg ngày 17-9-1970 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê chính thức;

Sau khi trao đổi ý kiến thống nhất với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Văn phòng Phủ Thủ tướng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành bản quy định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ, chính thức quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về công nghiệp gồm 16 biểu áp dụng cho các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 2. — Bản quy định cụ thể này thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1972. Các quy định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ, chính thức về công nghiệp ban hành trước đây cho Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố đều không còn hiệu lực.

Điều 3. — Các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

Hà-nội, ngày 22 tháng 3 năm 1972

Tổng Cục trưởng

Tổng cục Thống kê

NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG

BẢN QUY ĐỊNH CỤ THỂ

hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về công nghiệp áp dụng cho các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(Ban hành kèm theo quyết định số 47-TCTK/PPCĐ ngày 22-3-1972 của Tổng cục Thống kê).

Phần thứ nhất

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

1. Các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố không được tự ý thay đổi nội dung kết cấu của biểu mẫu, phương pháp tính toán và cách ghi báo cáo các chỉ tiêu đã được quy định trong văn bản này.

Trong khi thi hành nếu có vấn đề gì xét thấy chưa hợp lý thì báo cáo cho Tổng cục Thống kê biết bằng văn bản và nêu rõ ý kiến đề nghị giải

www.ThuVienHapLuoc.com
09672036
Tel: +84-8-3845 6684

quyết của địa phương mình. Khi chưa có quy định bổ sung của Tổng cục Thống kê thì vẫn phải làm đúng theo bản quy định này.

2. Đề đảm bảo yêu cầu kiểm tra, phân tích, so sánh, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố phải ghi đầy đủ các biểu mẫu báo cáo đã quy định.

3. Các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố căn cứ ngày nhận báo cáo ở Tổng cục Thống kê mà định ngày gửi cho đúng thời gian đã quy định.

Khi cần điều chỉnh số liệu trong những báo cáo thống kê đã gửi thì phải có văn bản nói rõ số liệu và lý do điều chỉnh.

4. Các ông Chi cục trưởng Chi cục thống kê có trách nhiệm giúp các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc lập và gửi báo cáo.

5. Ông Vụ trưởng Vụ Thống kê công nghiệp có trách nhiệm giúp Tổng cục Thống kê phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện bản quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức này.

Phần thứ hai

HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHÍNH THỨC

Số thứ tự	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo	
				Quý, 6 tháng, 9 tháng	Năm
1	01-CN	I. Sản xuất và tiêu thụ. Giá trị tổng sản lượng và giá trị sản lượng hàng hóa của công nghiệp địa phương (theo giá cố định)	4 quý (4 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc quý	
2	02-CN	Giá trị tổng sản lượng của công nghiệp địa phương (theo giá bán buôn xí nghiệp và giá bán buôn công nghiệp hiện hành)	Năm (1 kỳ)		40 ngày sau khi kết thúc năm
3	03-CN	Sản xuất và tồn kho sản phẩm chủ yếu của công nghiệp địa phương	4 quý (4 kỳ)	-nt-	
		II. Số lượng, quy mô xí nghiệp và sử dụng thiết bị máy móc chủ yếu.			
4	05-CN	Số lượng, quy mô xí nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp địa phương có đến ngày 31 tháng 12 hàng năm	Năm (1 kỳ)		-nt-
5	06-CN	Sử dụng số lượng và thời gian thiết bị máy móc chủ yếu của công nghiệp địa phương	6 tháng đầu năm và năm	25 ngày sau khi kết thúc 6 tháng	-nt-
		III. Lao động và tiền lương (của công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh)			
6	09-CN	Lao động trong danh sách	4 quý (4 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc quý	-nt-
7	10-CN	Tiền lương	6 tháng đầu năm và năm	25 ngày sau khi kết thúc 6 tháng	-nt-

Số thứ tự	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo	
				Quý, 6 tháng, 9 tháng	Năm
8	11-CN	Sử dụng thời gian lao động của công nhân sản xuất công nghiệp	4 quý (4 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc quý	40 ngày sau khi kết thúc năm
9	12-CN	Tai nạn lao động	6 tháng đầu năm và năm	25 ngày sau khi kết thúc 6 tháng	-nt-
10	13-CN	Sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác IV. Cung cấp, sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, điện lực (của công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh).	6 tháng đầu năm và năm	-nt-	-nt-
11	14-CN	Tiêu thụ điện của các xí nghiệp công nghiệp	4 quý (4 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc quý	-nt-
12	15-CN	Nhập, xuất, tồn kho nguyên, nhiên, vật liệu	Quý I, 6 tháng (4 kỳ) 9 tháng, năm	-nt-	
13	16-CN	Thực hiện định mức tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu điện lực V. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm (của công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh)	6 tháng đầu năm và năm (2 kỳ)	25 ngày sau khi kết thúc 6 tháng	-nt-
14	17-CN	Chi phí sản xuất theo yếu tố của công nghiệp địa phương (trừ luân chuyển nội bộ)	Năm (1 kỳ)		-nt-
15	18-CN	Giá thành sản phẩm so sánh được và toàn bộ sản phẩm theo khoản mục của công nghiệp địa phương	6 tháng đầu năm và năm	-nt-	-nt-
16	19-CN	Giá thành đơn vị các loại sản phẩm chủ yếu	6 tháng đầu năm và năm	25 ngày sau khi kết thúc 6 tháng	40 ngày sau khi kết thúc năm

Ghi chú: 1. Kèm theo bản quy định này có 1 tập biểu mẫu báo cáo thống kê cụ thể và 1 tập giải thích về phương pháp tổng hợp các biểu mẫu đó. (*)

2. Số và ký hiệu biểu lấy thống nhất theo số và ký hiệu của hệ thống biểu mẫu ban hành cho các Bộ, ngành ở trung ương, nên hệ biểu mẫu

của địa phương không có những biểu sau đây: 04/CN, 07/CN, 08/CN và 20/CN.

Hà-nội, ngày 22 tháng 3 năm 1979

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG

* Không in vào công báo